

Thực hiện đường lối công nghiệp hóa và hiện đại hóa, trong thời kỳ đổi mới, nhất là những năm gần đây Nhà nước ta đã tăng cường đầu tư để xây dựng mới và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn thông qua nhiều chương trình và dự án trong nước và quốc tế. Cùng với sự đầu tư của Nhà nước, nhiều địa phương đã huy động nguồn lực trong dân, nhất là sức lao động để xây dựng kết cấu hạ tầng. Phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm đã phát huy tác dụng tích cực và kết quả cụ thể. Hệ thống điện, đường, trường, trạm, bưu điện, chợ, nước sạch... nông thôn được xây dựng và nâng cấp từ đồng bằng đến miền núi, hải đảo, làm thay đổi bộ mặt nông thôn và là một trong những thành tựu của sự nghiệp đổi mới.

Thành tựu đó đã được phản ánh khá đầy đủ trong kết quả Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản 2001, thu thập thông tin trực tiếp từ 8.950 xã, 80.544 thôn (ấp, bản).

Theo kết quả sơ bộ của cuộc tổng điều tra, đến thời điểm 1.10.2001, các yếu tố của hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn cả nước đều phát triển theo chiều hướng tích cực.

Điện khí hóa

Điện khí hóa nông thôn có bước phát triển nhanh và khá toàn diện. Cả nước có 7.712 xã có điện, chiếm tỷ lệ 86,2%, trong khi đó năm 1994 chỉ có 5.309 xã có điện, chiếm tỷ lệ 60,4%. Như vậy sau 7 năm qua, cả nước đã tăng thêm 2.403 xã có điện, tốc độ tăng 45,3%. Các vùng có tốc độ tăng cao là miền núi Bắc bộ, Tây nguyên và đồng bằng sông Cửu Long (Tây nguyên + 185%; Tây bắc + 162%; Đông bắc + 69% và ĐBSCL + 59%).

Số thôn có điện 62.227, chiếm tỷ lệ 77,3%, tăng 26.509 thôn so với năm 1994 (năm 1994 có 74,2% số thôn có điện); số hộ nông thôn dùng điện là 10.424.723 hộ, chiếm tỷ lệ 79,3%, tăng 43,3 vạn hộ (năm 1994 là 71,0%) so với năm 1994. Như vậy, cho đến nay cả nước có 3 vùng cơ bản hoàn thành điện khí hóa nông thôn và tỷ lệ xã có điện trên 95% là đồng bằng sông Hồng 99,8%, đồng bằng sông Cửu Long 98,7% và Đông Nam bộ là 97,5%; 26 tỉnh có tỷ lệ 100% xã có điện là 10 tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng (trừ Hải Phòng), Hà Tĩnh, Khánh Hòa, TP.HCM, Ninh Thuận,

Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng và Bạc Liêu. Giá bán điện nông thôn bình quân cả nước là 693đ/kwh, giảm 63đ/kwh so với năm 1994, nguyên nhân chủ yếu là Nhà nước cải tiến cơ chế quản lý điện nông thôn từ chính quyền sang ngành điện. Đến nay, vùng có giá bán điện thấp nhất là Đông Nam bộ 608đ/kwh, cao nhất là Bắc Trung bộ 780đ/kwh.



Tồn tại lớn nhất của vấn đề này là vẫn còn gần 1.238 xã (14%); 18.317 thôn (22,7%) và 2.722.976 hộ (20,7%) chưa có điện. Ở 3 vùng miền núi phía Bắc và Tây nguyên tỷ lệ hộ dùng điện mới đạt 50%. Giá điện nông thôn tuy đã so với 1994 nhưng vẫn cao hơn giá điện thành thị 38%. Trong nông thôn, vùng nghèo có thu nhập thấp như Bắc Trung bộ, giá điện lại cao nhất, còn vùng Đông Nam bộ có thu nhập cao giá điện lại thấp nhất. Đó là một nghịch lý cần xem xét và xử lý.

Đường giao thông

Sau điện, đường giao thông nông thôn cũng là một yếu tố quan trọng của kết cấu hạ tầng được Nhà nước quan tâm và đầu tư trong những năm qua. Kết quả là đến nay cả nước có 8.461 xã (94,5%) có đường ô tô đến UBND xã. So với năm 1994, số xã có đường ô tô tăng 731 xã (+9,5%). Các vùng có tỷ lệ cao là đồng bằng sông Hồng 99,9%, Đông Nam bộ 99,7%, Tây nguyên 97,8%, Đông bắc 97,2%. Vùng có tỷ lệ đường thấp nhất là

đồng bằng sông Cửu Long 78,1%. Cả nước có 23 tỉnh, thành phố có 100% số xã có đường ô tô đến UBND xã, trong đó đồng bằng sông Hồng 10/11 tỉnh, Đông Nam bộ 6/8 tỉnh. Đặc biệt, vùng đồng bằng sông Cửu Long số xã có đường ô tô

tăng từ 755 xã lên 958 xã, nên tỷ lệ xã có đường ô tô tăng từ 65,7% lên 78,1% trong 7 năm, trở thành vùng có tốc độ tăng nhanh nhất cả nước về đường giao thông nông thôn. Chất lượng đường giao thông nông thôn tuy còn thấp song đã có tiến bộ so với trước. Đến nay cả nước có 1.427 xã (16%) có đường liên thôn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa trên 50%, trong đó vùng khá nhất là đồng bằng sông Hồng (Hà Tây 23%, riêng huyện Thạch Thất 52,6%; Ninh Bình 30%, trong đó Hoa Lư 56%, Yên Khánh 68,4%). Các tỉnh Bắc Trung bộ, tuy là vùng nghèo, thiên tai bão lụt thường xảy ra, nhưng hệ thống đường giao thông nông thôn đã phủ kín 96,5% số xã, trong đó Hà Tĩnh 98,8%, Thừa Thiên Huế 98,4%, Thanh Hóa 97,8%. Chất lượng đường giao thông thôn, xóm được nâng cấp; tỷ lệ đường liên thôn được nhựa hóa và bê tông hóa trên 50%, đạt tỷ lệ 18% số xã, trong đó Thừa Thiên Huế 19%, riêng huyện Hương Trà 26,7%. Đặc biệt các tỉnh miền núi phía Bắc tỷ lệ xã có đường ô tô từ 82,6% năm 1994, đến nay đã tăng lên 97,2%, trong đó có 4 tỉnh đạt 100% là Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Phú Thọ, 3 tỉnh đạt trên 99% là Lạng Sơn, Bắc Giang và Hòa Bình.

Trường học & y tế

Hệ thống trường học ở nông thôn phát triển toàn diện. Đến nay 99,9% số xã có trường tiểu học; 84,5% số xã có trường trung học cơ sở; 8,7% số xã có trường trung học phổ thông và 85,6% số xã có lớp mẫu

giáo, đạt cao hơn năm 1994 (99,8%; 76,6%; 7% và 76,8%). Đáng chú ý là hệ thống các trường phổ thông cơ sở tăng từ 76,3% lên 84,5%, trong đó miền núi Đông bắc từ 64,7% lên 79,7%, Tây nguyên từ 50,3% lên 78,4% và đồng bằng sông Cửu Long từ 74,9% lên 80,5%. Đến nay cả nước đã có 782 xã có trường phổ thông trung học, chiếm tỷ lệ 8,7%, trong đó có 6 tỉnh, thành phố đạt trên 15% là Hà Nội 15,3%, TP.HCM 21,3%, Đà Nẵng 21,4%, An Giang 18,6%, Tuyên Quang 15,3%, Bình Dương 16,7%. Cùng với việc mở rộng các trường phổ thông, nhiều vùng và địa phương đã quan tâm phát triển và mở rộng các lớp mẫu giáo ở khu vực nông thôn. Năm 2001 cả nước có 7.665 xã, chiếm tỷ lệ 85,6% số xã có lớp mẫu giáo so với 6.813 lớp mẫu giáo so với 6.813 lớp và 76,3% năm 1994. Hệ thống trường phổ thông và mẫu giáo phát triển rộng khắp từ đồng bằng đến miền núi, hải đảo đã tạo điều kiện thuận lợi thu hút trẻ em trong độ tuổi ở khu vực nông thôn đến trường.

Trong lĩnh vực y tế, thực hiện chủ trương đưa bác sĩ và cán bộ y tế tăng cường cho tuyến xã, hệ thống trạm y tế xã được củng cố và hoàn thiện. Đến nay cả nước có 8.863 xã có trạm y tế, chiếm tỷ lệ 99%, tăng 6% so với năm 1994; có 2/8 vùng đạt 100% xã có trạm y tế là đồng bằng sông Hồng và Tây bắc, 2 vùng đạt tỷ lệ thấp nhất là Đông bắc 97,2% và Tây nguyên 97,3%.

Thông tin liên lạc & cơ sở văn hóa

Hệ thống thông tin liên lạc khu vực nông thôn được Nhà nước đầu tư hỗ trợ và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ; điểm bưu điện văn hóa xã - một mô hình thông tin, văn hóa nông thôn mới hình thành trong những năm đổi mới đến nay đã mở rộng khắp 61 tỉnh, thành phố trên địa bàn 4.902 xã, chiếm 54,8% số xã cả nước, trong đó cao nhất là đồng bằng sông Hồng 70%, Bắc Trung bộ 61,3%, Nam trung bộ 55,2% và đồng bằng sông Cửu Long 50,3%, thấp nhất là Tây bắc 36,6%. Cả nước có 7.503 xã có máy điện thoại, chiếm tỷ lệ 83,8%, trong đó cao nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long 99,7%, Đông Nam bộ 97%, đồng bằng sông Hồng 98,6%, Nam trung bộ 88,5% và thấp nhất là 2 vùng miền núi phía bắc; Tây bắc 61,9% và Đông Bắc 67,9%. Hệ thống điện thoại không chỉ đến trung tâm xã mà đã tỏa đến các hộ nông dân đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ngày càng tăng của dân cư nông thôn. Đến

năm 2001, cả nước có 704,4 nghìn hộ nông thôn có máy điện thoại, gấp 30 lần năm 1994 (38,6%). Đáng chú ý là những vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa phát triển như đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ là những địa phương có nhiều xã và hộ sử dụng điện thoại. Hệ thống loa truyền thanh trong thôn xóm đã được mở rộng và nâng cấp; năm 1994, cả nước chỉ có 3.395 xã có loa truyền thanh, chiếm tỷ lệ 38,5% tổng số xã thì nay đã có 5.091 xã, chiếm tỷ lệ 57%. Nhiều xã đã có hệ thống loa truyền thanh đến các hộ gia đình nông dân góp phần tích cực vào việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và phổ biến kiến thức, khuyến nông đến người sản xuất.

Hệ thống cơ sở văn hóa ở nông thôn tiếp tục được hoàn thiện. Đến nay cả nước có 1.252 xã có nhà văn hóa, chiếm tỷ lệ 14%, 624 xã có thư viện 7,0%. Trong đó cao nhất là vùng đồng bằng sông Hồng 26% và 10,7%, Đông Nam bộ 20,4% và 12%, Bắc Trung bộ 17,4% và 6,4%. Tuy số lượng xã có nhà văn hóa và thư viện chưa nhiều, nhưng điều quan trọng là những cơ sở này đang có xu hướng hồi phục và đi vào hoạt động thực tế nhằm góp phần nâng cao đời sống tinh thần của dân cư nông thôn.

Mạng lưới chợ

Sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển theo cơ chế thị trường, lấy sản xuất hàng hóa làm hướng chính đã tạo tiền đề và điều kiện để phát triển mạng lưới chợ nông thôn. Đến nay cả nước có 5.101 xã có chợ, chiếm tỷ lệ 57%, bình quân gần 2 xã có một chợ. Tỷ lệ này cao hơn năm 1994 (54,9%), chủ yếu tăng ở 2 xã Tây nguyên từ 147 chợ lên 203 chợ và miền núi phía Bắc từ 996 chợ lên 1.090 chợ trong 7 năm tương ứng. Những vùng có tỷ lệ xã có chợ cao là đồng bằng sông Cửu Long 72,1%; Đông Nam bộ 70,25 và đồng bằng sông Hồng. Đó cũng là những vùng sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển dịch mạnh theo hướng hàng hóa. Vùng ít chợ nông thôn nhất là Tây bắc 28,7%; Tây nguyên 40,2% và Đông bắc 43,8%. Không chỉ tăng về số lượng mà chất lượng chợ nông thôn cũng được nâng cấp, tỷ lệ chợ được xây dựng kiên cố và bán kiên cố tăng lên, chợ tạm giảm xuống. Cơ cấu mặt hàng ở chợ nông thôn nói chung đã chuyển biến theo hướng đa dạng và tăng các loại hàng hóa tiêu dùng và vật tư nông nghiệp, giảm tỷ trọng các mặt hàng nông sản mang tính tự cấp tự túc. Ở nhiều vùng, chợ gắn với các trung tâm cụm xã, với các điểm bưu điện văn hóa xã nên ngoài chức

năng trao đổi hàng hóa, còn có tác dụng nâng cao trình độ dân trí, cung cấp thông tin thị trường cho bà con nông dân.

Những tiến bộ và khởi sắc về kết cấu hạ tầng nông thôn trên đây khẳng định: sau 15 năm đổi mới, bộ mặt nông thôn nước ta đã thật sự khởi sắc toàn diện theo hướng đi dẫn đến trình độ văn minh hiện đại. Nguyên nhân của những kết quả đó, trước hết và chủ yếu là nhờ sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước cho khu vực nông thôn, nông nghiệp nói chung và xây dựng kết cấu hạ tầng nói riêng nhằm thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tồn tại

Tuy nhiên, bên cạnh thành tích và tiến bộ, kết cấu hạ tầng nông thôn còn nói lên một số vấn đề cần quan tâm. Các vùng miền núi phía bắc và Tây nguyên kết cấu hạ tầng còn kém xa so với cả nước. Cho đến nay vùng Tây Bắc vẫn còn 47% số xã và 57,8% số thôn, 50% số hộ nông thôn chưa có điện. Trong đó kém nhất là Lai Châu: 72%; 80% và 77,5%; vùng Tây nguyên tuy có khá hơn nhưng vẫn còn 24% số xã, 42% số thôn và 48,2% số hộ chưa có điện. Đaklak là tỉnh có vùng nông thôn rộng lớn, đông dân cư, là vùng có nhiều tiềm năng nông nghiệp hàng hóa, vùng trọng điểm số 1 của cả nước về trồng cà phê, nhưng đến nay vẫn còn 52% số thôn, bản và 45,4% số hộ nông thôn chưa có điện. Giá điện nông thôn tuy có giảm so với năm 1994 nhưng vẫn cao hơn giá điện thành thị 38%, trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long 742đ/kwh, Bắc Trung bộ 780đ, Đông Bắc 707đ, Nam Trung bộ 702đ/kwh. Đường giao thông nông thôn cũng trong tình trạng tương tự, các vùng miền núi và đồng bằng sông Cửu Long tỷ lệ số xã có đường ô tô thấp so với yêu cầu: Tây Bắc 88,8%, ĐBSCL 78,1%, chất lượng đường còn kém, tỷ lệ đường liên thôn được nhựa hóa còn thấp. Hệ thống trường học, trạm y tế và các cơ sở hạ tầng khác ở nông thôn phát triển chưa đều và nói chung chất lượng còn thấp so với khu vực thành thị. Sự phát triển không đều và chất lượng còn thấp của hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn là tồn tại lớn nhất và phổ biến nhất ở các vùng và các địa phương trong cả nước. Vì vậy, giải pháp cho vấn đề này những năm tới là Nhà nước cần điều chỉnh ưu tiên cho những vùng sản xuất hàng hóa, vùng có tiềm năng và cả những vùng nghèo, xã nghèo, nhất là vùng miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng cần cứu trợ khẩn cấp, kháng chiến...